TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huỳnh Thoa

2. Ông Hồ Phi Công

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Lý- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 467/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2022. giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 9, khu A, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 9, khu A, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày*: Bà và ông Trần Văn H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 1989 tại Ủy ban nhân xã X, huyện Y, tỉnh Hà Bắc.

Cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông H hay uống rượu về đánh đập bà nhiều lần nhập viện vì ông H hay ghen tuông vô cớ. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2021. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: ông bà có 04 con chung tên Trần Thị L, sinh ngày: 20/02/1991; Trần Thị Ngọc L, sinh ngày: 08/8/1994; Trần Thị Minh P, sinh ngày: 24/10/1996 và Trần Quỳnh Nh, sinh ngày: 01/5/2004. Bà yêu cầu được nuôi con chung là Trần Quỳnh Nh, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Còn 03 con chung Trần Thị L, Trần Ngọc Loan L, Trần Thị Minh P đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Theo bị đơn ông Trần Văn H trình bày*: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về việc kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng khoảng gần 01 năm trở lại đây hay xảy ra xô xát do vợ ông không biết thông cảm cho ông, hay cãi nhau, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2021 đến nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông, ông không đồng ý vì vợ chồng đã lớn tuổi, có con cháu đầy đủ, ông muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm sóc nhau.

Quá trình chung sống, ông bà có 04 con chung như bà H trình bày. Nếu bà H cương quyết ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Quỳnh Nh, sinh ngày: 01/5/2004, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Còn 03 con chung tên Trần Thị L, sinh ngày: 20/02/1991; Trần Thị Ngọc L, sinh ngày: 08/8/1994 và Trần Thị Minh P, sinh ngày: 24/10/1996 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Văn H.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là Trần Quỳnh Nh cho bà H nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông H cấp nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H.

- Về tài sản chung: Bà H và ông H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà H và ông H trình bày không có nợ chung nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn H dù đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 1989 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Hà Bắc nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp và áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014 để giải quyết.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà H khai cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông H hay uống rượu về đánh đập bà nhiều lần nhập viện vì ông H hay ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2021. Ông H thừa nhận vợ chồng hay xảy ra cãi vã do vợ ông không biết thông cảm cho ông, hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2021 đến nay. Tuy nhiên ông không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H. Nhận thấy, bà H và ông H đều thừa nhận mối quan hệ vợ chồng có mâu thuẫn, hiện nay ông bà sống ly thân. Mặt khác, qua việc hòa giải tại Tòa án bà H vẫn cương quyết ly hôn nên thấy rằng tình trạng hôn nhân của bà H và ông H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên Trần Thị L, sinh ngày: 20/02/1991; Trần Thị Ngọc L, sinh ngày: 08/8/1994; Trần Thị Minh P, sinh ngày: 24/10/1996 và Trần Quỳnh Nh, sinh ngày: 01/5/2004. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nh, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H cũng yêu cầu nuôi cháu Nh và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, theo nguyện vọng cháu Trần Quỳnh Nh muốn được ở với mẹ nên giao cháu Nh cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với 03 con chung tên Trần Thị L, sinh ngày: 20/02/1991; Trần Thị Ngọc L, sinh ngày: 08/8/1994 và Trần Thị Minh P, sinh ngày: 24/10/1996 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các bên khai không có nên không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Văn H.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/10/1989 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Hà Bắc cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Quỳnh Nh, sinh ngày 01/5/2004 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyễn Thị H tạm thời không yêu cầu ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Đối với 03 con chung tên Trần Thị L, sinh ngày: 20/02/1991; Trần Thị Ngọc L, sinh ngày: 08/8/1994 và Trần Thị Minh P, sinh ngày: 24/10/1996 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ông Trần Văn H được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Nguyễn Thị H. Khi cần thiết, bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn H được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005833 ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Phượng